

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

(Được Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2012 thông qua ngày 28/8/2012)

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2012

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
CHƯƠNG I.THUẬT NGỮ, CÁC ĐỊNH NGHĨA NÊU TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Định nghĩa	4
CHƯƠNG II.TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG	6
VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	6
Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành và kinh doanh chứng khoán.....	7
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Công ty	7
Điều 7. Các quy định hạn chế.....	9
Điều 8. Các quy định về kiểm soát nội bộ.....	10
Điều 9. Các quy định về bảo mật thông tin	10
Điều 10. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp	10
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY	10
Điều 11. Vốn điều lệ.....	10
Điều 12. Cổ phần của Công ty.....	11
Điều 13. Chào bán cổ phần.....	12
Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần	12
Điều 15. Chứng chỉ cổ phiếu	12
Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông.....	13
Điều 17 Thu hồi cổ phần	14
CHƯƠNG V.CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	14
Điều 18. Cơ cấu tổ chức của Công ty	14
CHƯƠNG VI.CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 19. Quyền của cổ đông phổ thông	14
Điều 20. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông	16
Điều 21. Đại hội đồng Cổ đông	16
Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông	17
Điều 23. Các đại diện được ủy quyền.....	18
Điều 24. Thay đổi các quyền	19
Điều 25. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	20
Điều 27. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông	21
Điều 28. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	22
Điều 29. Thẩm quyền và thủ thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	23
Điều 30. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông	24
Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	24
CHƯƠNG VII.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 34. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	28
Điều 35. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 36. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	31
CHƯƠNG VIII.TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	31

Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 38. Cán bộ quản lý	31
Điều 39. Tổng Giám đốc	32
Điều 40. Thư ký Công ty	33
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 41. Ban kiểm soát	33
Điều 42. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát	34
CHƯƠNG X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	36
Điều 43. Trách nhiệm cản trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý	36
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	36
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	37
Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	37
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	38
Điều 47. Công nhân viên và Công đoàn	38
CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	38
Điều 48. Cổ tức	38
Điều 49. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	39
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	39
Điều 50. Tài khoản ngân hàng	39
Điều 51. Trích lập các quỹ	39
Điều 52. Năm tài khóa	40
Điều 53. Hệ thống kế toán	40
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG	40
Điều 54. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	40
Điều 55. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	41
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	41
Điều 56. Kiểm toán	41
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	41
Điều 57. Con dấu	41
CHƯƠNG XVIII. CHẨM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	42
Điều 58. Chấm dứt hoạt động	42
Điều 59. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Cổ đông	42
Điều 60. Thanh lý	42
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	43
Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ	43
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	44
Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	44
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	44
Điều 63. Ngày hiệu lực	44

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB (dưới đây gọi là "Công ty"), là một Công ty cổ phần hoạt động theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

Điều lệ này, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị nếu được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty tại phiên họp ngày 28 tháng 8 năm 2012.

CHƯƠNG I.
THUẬT NGỮ, CÁC ĐỊNH NGHĨA NÊU TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

- 1.1. Trong Điều lệ này, trừ khi ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
- a. “**Công ty**” có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB;
 - b. “**Địa bàn kinh doanh**” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
 - c. “**Điều lệ**” có nghĩa là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
 - d. “**Vốn điều lệ**” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 11 của Điều lệ này;
 - e. “**Cổ đông**” có nghĩa là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - f. “**Hội đồng quản trị**” hoặc “**HĐQT**” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. “**Ban kiểm soát**” có nghĩa là Ban kiểm soát của Công ty;
 - h. “**Pháp luật**” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 06 năm 2008 hoặc là luật khác sẽ được Quốc Hội hoặc cơ quan lập pháp có thẩm quyền khác của Việt Nam thông qua, sửa đổi bổ sung trong tương lai;
 - i. “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 hoặc là luật khác sẽ được Quốc Hội hoặc cơ quan lập pháp có thẩm quyền khác của Việt Nam thông qua, sửa đổi bổ sung Luật Doanh Nghiệp hoặc điều chỉnh các quan hệ về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp ở Việt Nam trong tương lai;
 - j. “**Luật Chứng khoán**” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006, Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 hoặc là luật khác sẽ được Quốc Hội hoặc cơ quan lập pháp có thẩm quyền khác của Việt Nam thông qua, sửa đổi bổ sung hoặc điều chỉnh các quan hệ về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp trong lĩnh vực chứng khoán ở Việt Nam trong tương lai;
 - k. “**Ngày thành lập**” là ngày Công ty được cấp Giấy phép hoạt động;
 - l. “**Cán bộ quản lý**” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty theo quy định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm;
 - m. “**Người có liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;
 - n. “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - o. “**Cổ phần ưu đãi biểu quyết**” là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với số cổ phần phổ thông;
 - p. “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- q. “UBCKNN” hoặc “UBCK” được hiểu là Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước;
 - r. “SGDCK” được hiểu là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
 - s. “**Thành viên Hội đồng quản trị độc lập**” là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác của Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc cổ đông lớn của Công ty;
- 1.2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
- 1.3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- 1.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng Khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động

2.1. Tên Công ty

- a. Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB**
- b. Tên tiếng Anh: **SHB SECURITIES JOINT STOCKS COMPANY**
- c. Tên giao dịch: **CÔNG TY CHỨNG KHOÁN SHB**
- c. Tên viết tắt: **SHBS**

2.2. Công ty được tổ chức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân hoạt động theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- a. Địa chỉ: Số 2 C, Vạn Phúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội
- b. Điện thoại: 04. 37262222 Fax: 04. 37262305
- c. Email: info@shbs.com.vn
- d. Website: www.shbs.com.vn
- e. Logo:

Giá trị tích lũy niềm tin

Việc thay đổi trụ sở chính do Hội đồng Quản trị quyết định và phải được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản.

2.4. Người đại diện theo pháp luật:

- a. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên (30) ba mươi

ngày thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định của pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- 2.5. Công ty có thể thành lập, đóng cửa Chi nhánh, Phòng giao dịch và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được UBCK và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác chấp thuận bằng văn bản.

Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Công ty đã thành lập Chi nhánh sau:

Tên chi nhánh: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lô H3, Đường Hoàng Diệu, Phường 6, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

- 2.6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 59 và Điều 60 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III.

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- 3.1 Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB được thành lập để kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.
- 3.2 Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu nêu tại Khoản 3.1 Điều này cần có sự phê duyệt theo quy định của pháp luật thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.

- 4.1 Kể từ Ngày Thành Lập Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh sau đây phù hợp với các quy định của pháp luật:
- Môi giới chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
 - Lưu ký chứng khoán;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - Và các nghiệp vụ kinh doanh khác được Pháp luật cho phép hoặc không cấm thực hiện.
- 4.2 Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. Công ty sẽ chỉ thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật khi Công ty đã đáp ứng đủ các điều kiện đó.
- 4.3 Công ty có thể thay đổi hoặc bổ sung ngành nghề kinh doanh quy định tại Khoản 4.1 Điều này theo quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được UBCKNN phê duyệt.

- 4.4 Công ty có phạm vi hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành và kinh doanh chứng khoán

5.1 Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành của Công ty:

- a. Công ty được tổ chức và hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo quy định của pháp luật dựa trên nguyên tắc bình đẳng, dân chủ, tôn trọng pháp luật, đề cao uy tín với cổ đông, khách hàng và các đối tác kinh doanh;
- b. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng Cổ đông;
- c. Đại hội đồng Cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- d. Người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm.

5.2 Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán của Công ty:

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty sẽ luôn:

- a. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan;
- b. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
- c. Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;
- d. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- e. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán;
- f. Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;
- g. Phải cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;
- h. Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
- i. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong Công ty phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan;
- j. Bảo mật thông tin liên quan đến khách hàng trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Công ty

6.1 Quyền của Công ty:

Trong thời hạn hoạt động của mình, Công ty có các quyền sau đây:

- a. Thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- b. Sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty;
- c. Quản lý và sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp để thực hiện các mục tiêu,

nhiệm vụ kinh doanh của Công ty theo Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và pháp luật hiện hành;

- d. Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích, nội dung hoạt động của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và theo quy định của pháp luật;
- e. Chủ động lựa chọn loại hình hoạt động kinh doanh chứng khoán, địa bàn hoạt động kinh doanh, chủ động mở rộng quy mô và loại hình hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- f. Tự chủ trong hoạt động kinh doanh, chủ động áp dụng các phương thức quản lý khoa học hiện đại, đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển, hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của Công ty;
- g. Quyết định mua, sáp nhập hoặc đóng cửa Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện Công ty theo các quy định của pháp luật hiện hành;
- h. Lựa chọn các hình thức, cách thức huy động vốn theo quy định của pháp luật;
- i. Khởi kiện các hành vi xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty;
- j. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và sinh lãi;
- k. Sử dụng ngoại tệ thu được theo chế độ hiện hành về quản lý ngoại hối;
- l. Có quyền đề nghị khách hàng cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh khi có quyết định quan hệ giao dịch với khách hàng và có quyền từ chối các quan hệ đó nếu thấy trái pháp luật, không đem lại hiệu quả hoặc không có khả năng thực hiện;
- m. Từ chối hoặc tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;
- n. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận cho các Cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
- o. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

6.2 Nghĩa vụ của Công ty

Trong hoạt động quản lý kinh doanh của mình Công ty phải:

- a. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
- b. Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của Công ty;
- c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;
- d. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
- e. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó;
- f. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại

- cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty;
- g. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
 - h. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
 - i. Tuân thủ quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
 - j. Thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - k. Tuân thủ nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của Luật Chứng khoán;
 - l. Kinh doanh theo ngành nghề và các loại hình kinh doanh ghi trong Giấy phép hoạt động của Công ty;
 - m. Tự chủ tài chính, tự bảo đảm chi phí, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, về sự tăng trưởng và bảo toàn vốn của Công ty;
 - n. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
 - o. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định của pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;
 - p. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ khác với Nhà nước theo quy định của pháp luật;
 - q. Tuân thủ các quy định đảm bảo vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính;
 - r. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, tôn trọng quyền tổ chức các đoàn thể chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật;
 - s. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 7. Các quy định hạn chế

7.1 Quy định hạn chế đối với Công ty:

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty sẽ:

- a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
- b. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- c. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
- d. Không được cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán, trừ trường hợp Bộ Tài chính có quy định khác.

7.2 Quy định hạn chế đối với Tổng Giám đốc và người hành nghề chứng khoán

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Tổng Giám đốc và nhân viên hành nghề chứng khoán của Công ty sẽ:

- a. Không đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;

- b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ khác;
- c. Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
- d. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính Công ty;
- e. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được khách hàng uỷ thác.

Điều 8. Các quy định về kiểm soát nội bộ

- 8.1. Quy trình, quy chế kiểm soát nội bộ của Công ty được lập chính thức bằng văn bản do Chủ tịch HĐQT Công ty ban hành và được công bố trong nội bộ Công ty;
- 8.2 Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ quy định về kiểm soát nội bộ;
- 8.3 Định kỳ Công ty tiến hành kiểm tra và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ;
- 8.4 Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.

Điều 9. Các quy định về bảo mật thông tin

- 9.1 Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
- 9.2 Quy định tại khoản 9.1 Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - b. Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ;
 - c. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

- 10.1 Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong Công ty. Tổng Giám đốc ban hành nội quy của Công ty, chi tiết hoá nội dung của Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp.
- 10.2 Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt Bộ Quy tắc này.
- 10.3 Bộ phận Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên Công ty.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY

Điều 11. Vốn điều lệ

- 11.1 Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 150.000.000.000

VND (*Một trăm năm mươi tỷ đồng*). Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (*mười nghìn*) đồng/cổ phần.

- 11.2 Vốn điều lệ của Công ty có thể được tăng lên hoặc giảm đi phù hợp với nhu cầu kinh doanh, đầu tư và quy mô hoạt động, với điều kiện là Công ty phải luôn duy trì mức vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định theo qui định của pháp luật. Trường hợp vốn điều lệ thấp hơn vốn pháp định, Công ty tiến hành bổ sung vốn điều lệ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
- 11.3 Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật khi:
 - a. Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh; hoặc
 - b. Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và phương án huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thực hiện được.
- 11.4 Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:
 - a. Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật;
 - b. Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;
 - c. Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu;
 - d. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ.
- 11.5 Việc giảm vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, nhưng phải đảm bảo mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
- 11.6 Sau khi tăng, hoặc giảm vốn điều lệ, Công ty phải đăng ký vốn điều lệ mới với UBCKNN và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- 11.7 Công ty không sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông của Công ty dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản.

Điều 12. Cổ phần của Công ty

- 12.1 Cổ phần của Công ty tại ngày thông qua Điều lệ này có cổ phần phổ thông.
- 12.2 Các quyền và nghĩa vụ đi kèm với cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Điều lệ này.
- 12.3 Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 12.4 Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

- 12.5 Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác.
- 12.6 Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 13. Chào bán cổ phần.

- 13.1 Công ty được quyền chào bán cổ phần khi đáp ứng các điều kiện theo Luật chứng khoán và các luật khác có liên quan.
- 13.2 Công ty phải đăng ký với UBCKNN khi thực hiện chào bán cổ phiếu theo quy định.
- 13.3 Điều kiện, phương thức, thủ tục chào bán cổ phiếu được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần

- 14.1 Tất cả các cổ phần phổ thông đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị và/hoặc pháp luật có quy định khác.
- 14.2 Trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thì việc chuyển nhượng sẽ tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 14.3 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi phát sinh từ số cổ phần này, kể cả quyền nhận cổ tức.
- 14.4 Trừ khi cổ phần của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc Hội đồng quản trị có quy định khác, việc chuyển nhượng cổ phần phải được thực hiện theo thủ tục do Hội đồng quản trị quy định và phải được đại diện theo pháp luật của Công ty xác nhận. Việc chuyển nhượng cổ phần sẽ được ghi nhận đồng thời trên Sổ chứng nhận Cổ đông và Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty. Bên nhận chuyển nhượng chỉ được coi là chủ sở hữu cổ phần và trở thành Cổ đông của Công ty khi các thông tin về Cổ đông và cổ phần được ghi nhận đầy đủ vào Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.

Điều 15. Chứng chỉ cổ phiếu

- 15.1 Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà Cổ đông sở hữu.
- 15.2 Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà Cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 15.3 Trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu

số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí nào khác cho việc cấp chứng chỉ cổ phiếu lần đầu nhưng có thể phải thanh toán phí chuyển nhượng theo quy định của Hội đồng quản trị hoặc/và tổ chức lưu ký cho các lần chuyển nhượng sau.

- 15.4 Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì Cổ đông được công ty cấp lại Giấy chứng nhận Cổ đông theo đề nghị của Cổ đông đó và Cổ đông có thể phải trả một khoản phí cấp lại Giấy chứng nhận Cổ đông theo quy định của Hội đồng quản trị. Đề nghị của Cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
- Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu huỷ;
 - Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới;
 - Đối với chứng chỉ cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*), trước khi tiếp nhận đề nghị cấp chứng chỉ cổ phiếu mới, Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu chứng chỉ cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp chứng chỉ cổ phiếu mới.
- 15.5 Cho dù có quy định tại Điều 15.4 trên đây, Cổ đông phải gìn giữ chứng chỉ cổ phiếu cẩn thận, không làm rách nát, hư hỏng, nhoè, mờ và có trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ cổ phiếu. Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp chứng chỉ cổ phiếu này bị mất cấp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.
- 15.6 Tại từng thời điểm, Công ty có thể thay đổi hình thức ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông miễn rằng hình thức đó phù hợp với quy định của pháp luật.
- 15.7 Chứng chỉ chứng khoán khác: Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông

- 16.1 Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- 16.2 Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu như sau:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là pháp nhân;
 - Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông;
 - Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
- 16.3 Hình thức của sổ đăng ký thành viên/ sổ đăng ký cổ đông do công ty quyết định có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

- 16.4 Số đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc được lưu giữ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Điều 17 Thu hồi cổ phần

- 17.1 Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần mà Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua cổ phần.
- 17.2 Hội đồng quản trị có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) thông báo yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền chưa thanh toán cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
- 17.3 Trường hợp Hội đồng quản trị ra thông báo nêu tại Điều 17.2 thì phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo này không được thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó.
- 17.4 Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- 17.5 Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày đến hạn thanh toán đầu tiên cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
- 17.6 Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 18. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:
Đại hội đồng Cổ đông;
Hội đồng quản trị;
Tổng Giám đốc;
Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19. Quyền của cổ đông phổ thông

- 19.1 Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần đã đăng ký mua nhưng chưa thực mua vào Công ty.



19.2 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp Điều lệ này, pháp luật hoặc nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông/Hội đồng quản trị có quy định khác;
- d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ đông trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
- g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
- h. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất;
- i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;
- j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

19.3 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 6 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau:

- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
- b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông;
- c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.



Điều 20. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông

20.1 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- a. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị;
- b. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua đầy đủ và đúng hạn; Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
- c. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- d. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- e. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện bất kỳ hành vi nào bao gồm nhưng không giới hạn ở các hành vi sau:
 - i. Vi phạm pháp luật;
 - ii. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - iii. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

20.2 Nghĩa vụ của cổ đông lớn (nếu có) của công ty đại chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 21. Đại hội đồng Cổ đông

21.1 Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

21.2 Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

21.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh Vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 19.3 của Điều lệ này yêu cầu bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan);
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội



- đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 21.4. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường
- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điều 21.3 (c) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 21.3 (d,e);
 - Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 21.3 (a) thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp;
 - Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 21.3 (e) thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 21.3 (d) có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết;
 - Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 21.4 (c) sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông

- 22.1 Đại hội đồng Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
- Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- 22.2. Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
 - Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - Lựa chọn Công ty kiểm toán;
 - Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - Tổng số tiền thù lao và chính sách thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
 - Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;

- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
 - k. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;
 - l. Công ty mua lại hơn 10% tổng số lượng một loại cổ phần đã phát hành;
 - m. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - n. Các hợp đồng hoặc giao dịch với Người có liên quan quy định tại Khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
- 22.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng hoặc giao dịch quy định tại Điều 13.2 Điều lệ này khi Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc Công ty mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó.
- 22.4 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.
- 22.5 Các thông tin, thông báo giữa Công ty và các Cổ đông có thể được thực hiện thông qua hình thức gửi văn bản bằng thư bảo đảm, fax, gửi email đến số fax hoặc địa chỉ email của Công ty và của Cổ đông có đăng ký tại Công ty. Các thông báo hoặc thông tin của Công ty đến các Cổ đông có thể được đăng tải trên website của Công ty hoặc/và trên các tờ báo trung ương hoặc địa phương.

Điều 23. Các đại diện được ủy quyền

- 23.1 Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- 23.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

- 23.3 Trừ trường hợp quy định Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện sau đây bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi:
- a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
 - c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều 24. Thay đổi các quyền

- 24.1 Trong trường hợp Công ty có nhiều loại cổ phần khác nhau thì các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 22.2 về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% cổ phần đã phát hành loại đó.
- 24.2 Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
- 24.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 26 và Điều 27 của Điều lệ này.
- 24.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 25. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

- 25.1 Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 21.2, Điều 21.3, hoặc Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 21.4(b) hoặc Điều 21.4(c).
- 25.2 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- a. Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng Cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.
- 25.3 Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể

được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bão đảm bảo địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.

- 25.4 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Điều 19.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người (những người) đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 25.5 Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 25.4 trong các trường hợp sau:
- Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
- 25.6 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
- 25.7 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

- 26.1 Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 26.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 26.1 thì Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 26.3 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không được tiến hành theo quy định tại Điều 26.2 thì Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập lần thứ ba trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội

đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

- 26.4 Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 25.3 của Điều lệ này.

Điều 27. Thủ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông

- 27.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 27.2 Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền (đối với trường hợp ủy quyền) và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, tiếp theo là số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội đồng cổ đông sẽ chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
- 27.3 Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông kể từ thời điểm có mặt. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- 27.4 Đại hội đồng Cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, các thành viên Hội đồng quản trị có mặt tại Đại hội sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng Cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
- 27.5 Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 27.6 Chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:
- a. các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội; hoặc
 - b. hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của đại hội; hoặc
 - c. sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
 - d. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc. Đại hội đồng Cổ đông họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó trừ khi Đại hội đồng Cổ đông có quyết

định khác.

- 27.7 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Điều 27.6, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- 27.8 Chủ tọa hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
- 27.9 Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trực xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội đồng Cổ đông.
- 27.10 Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
- Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 27.11 Trong trường hợp tại Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 27.10, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");
 - Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
 - Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.
- 27.12 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
- 27.13 Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng Cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 28. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

- 28.1 Trừ trường hợp quy định tại Điều 28.2, các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng Cổ đông.
- 28.2 Các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông liên quan đến việc:
- sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
 - loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;

- c. sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty;
 - d. giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất
- sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu của Cổ đông có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng Cổ đông
- 28.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 29.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. Trong đó bao gồm và không giới hạn các nội dung sau:
 - a. Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
 - b. Thông qua định hướng phát triển công ty;
 - c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán
 - d. Sáp nhập; tái tổ chức và giải thể công ty;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- 29.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ khác do Cổ đông cung cấp của từng Cổ đông.
- 29.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- 29.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
- 29.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các quyết định đã được thông qua;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 29.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 29.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 29.8 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 30. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông

Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng Cổ đông và gửi cho tất cả các Cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng Cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng

Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty;
- b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 32.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
- 32.2 Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử các ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị theo quy định chi tiết như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% được đề cử 01 ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử 02 ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30 % được đề cử 03 ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30 % đến dưới 40 % được đề cử 04 ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40 % đến dưới 50% được đề cử 05 ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được đề cử 06 ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 65% được đề cử 07 ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 65 % trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.
- 32.3 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi đề cử.
- 32.4 Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị do Cổ đông đề cử được giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 32.5 Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn sau đây:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông; hoặc người khác (là cổ đông hoặc không phải là cổ đông của Công ty) nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính;
- 32.6 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị

trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
- 32.7 Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết và thành viên mới này phải được chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Trường hợp không được Đại hội đồng Cổ đông không chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đó vẫn có hiệu lực trong thời gian từ khi được Hội đồng quản trị bổ nhiệm đến thời điểm Đại hội đồng Cổ đông có nghị quyết không chấp thuận.
- 32.8 Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 32.9 Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 33.1 Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng Cổ đông.
- 33.2 Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
- 33.3 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Luật Doanh nghiệp; Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị nhỏ

- hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo quý gần nhất của Công ty;
- h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng lao động của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;
 - k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định;
 - l. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng Cổ đông;
 - m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - n. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
 - o. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị xét thấy cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác do pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định.
- 33.5 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình trong năm tài chính.
- 33.6 Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
- 33.7 Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
- 33.8 Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
- 33.9 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 33.10 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 34. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 34.1 Hội đồng quản trị bầu thành viên do Cổ đông đề cử làm Chủ tịch, và bầu ra một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- 34.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
- a. Triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông;
 - b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - d. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - f. Quy định phương pháp làm việc trong Hội đồng quản trị và phân công công tác các thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Uỷ quyền cho thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong trường hợp vắng mặt hoặc trường hợp cần thiết khác;
 - h. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và theo Điều lệ công ty.
- 34.3 Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 34.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông;
- 34.5 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 35. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- 35.1 Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để thực hiện công tác phân công nhiệm vụ giữa thành viên Hội đồng và ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó và do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập.
- 35.2 Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
- 35.3 Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm Cán bộ quản lý khác;
 - b. Hai thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.
- 35.4 Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Điều 35.3 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, trong trường hợp này những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 35.3 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 35.5 Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 35.6 Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
- 35.7 Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.
- Thông báo mời họp được gửi bằng thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
- 35.8 Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện uỷ quyền. Trong trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lại lần thứ hai trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Khi đó, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- 35.9 Biểu quyết:
- a. Trừ quy định tại điểm (b) dưới đây, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm (b) Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính

chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

- 35.10 Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
- 35.11 Biểu quyết đa số: Trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác, Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
- 35.12 Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

35.13 Lấy ý kiến bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có thể thông qua các nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, nội dung, trình tự, thủ tục được áp dụng tương tự như trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản quy định tại Điều lệ này. Một nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được tối thiểu 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị tán thành. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

- 35.14 Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể

từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

- 35.15 Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc một số thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc một số thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban. Giá trị pháp lý của các nghị quyết được thông qua bởi các tiểu ban có giá trị pháp lý như các nghị quyết được thông qua bởi Hội đồng quản trị với điều kiện (a) các nội dung của nghị quyết này nằm trong phạm vi ủy quyền của Hội đồng quản trị cho tiểu ban đó, (b) các nghị quyết này được thông qua bởi đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban chấp thuận và (c) đa số thành viên của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị tham dự chấp thuận.
- 35.16 Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 36. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

- 36.1 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm cả các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện.
- 36.2 Những người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VIII.

TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc và một hoặc một số Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp lệ theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 38. Cán bộ quản lý

- 38.1 Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại Cán bộ quản lý cần thiết và/hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động kinh doanh và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 38.2 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định, đối với những Cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến Tổng Giám đốc.

Điều 39. Tổng Giám đốc

- 39.1 Bổ nhiệm Tổng giám đốc: Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và được sự ủy nhiệm đủ quyền hạn cần thiết để thi hành các quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực thi các quyền và nhiệm vụ được giao. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc phải tuân thủ các quy định của pháp luật và hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc.
- 39.2 Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quyết định khác và có thể được tái bổ nhiệm không giới hạn số nhiệm kỳ. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
- 39.3 Tổng Giám đốc phải có đầy đủ các điều kiện sau:
- a. Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79 Luật chứng khoán;
 - c. Có kinh nghiệm làm việc ít nhất là 03 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán;
 - d. Không phải là người hành nghề đã bị Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 80 Luật Chứng khoán;
 - e. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc tại một doanh nghiệp khác;
 - g. Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trong thời hạn 3 năm kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng;
- 39.3 Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
- a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và/hoặc Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Đề nghị và tư vấn cho Hội đồng quản trị về mức lương, thù lao, các lợi ích khác và các điều khoản của hợp đồng lao động đối với Cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm;
 - d. Tuyên dụng lao động. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của Cán bộ quản lý và người lao động khác trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

- e. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - g. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật.
- 39.4 Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
- 39.5 Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc: (i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc theo quy định tại khoản 39.3 Điều này; (ii) Có đơn xin từ chức; (iii) Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 40. Thư ký Công ty

- 40.1 Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật lao động hiện hành. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - b. Làm biên bản các cuộc họp;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- 40.2 Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 41. Ban kiểm soát

- 41.1 Ban kiểm soát của Công ty có từ một (01) đến ba (03) thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng Cổ đông.



- 41.2 Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử các ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát theo quy định chi tiết như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% được đề cử 01 ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử 02 ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 50% được đề cử 03 ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 50% đến dưới 65% được đề cử 04 ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ từ 65% trở lên được đề cử 05 ứng cử viên.
- 41.3 Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trưởng Ban kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát.
- 41.4 Ban kiểm soát có thể bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế thành viên Ban kiểm soát bị khuyết giữa hai cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo nguyên tắc quá bán và thành viên mới này phải được chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát bổ nhiệm. Trường hợp không được Đại hội đồng Cổ đông không chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát đó vẫn có hiệu lực trong thời gian từ khi được Ban kiểm soát bổ nhiệm đến thời điểm Đại hội đồng Cổ đông có nghị quyết không chấp thuận.
- 41.5 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:
- Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác;
 - Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán, luật hoặc tài chính, ngân hàng.
- 41.5 Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 42. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát

- 42.1 Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - c. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - e. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - f. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động của Công ty;
 - g. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - h. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - i. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - j. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, của Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 42.2 Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
- 42.3 Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai thành viên.
- 42.4 Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn hàng năm. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG X.
**NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ
CÁN BỘ QUẢN LÝ**

**Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và
Cán bộ quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phuong thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty với một mức độ cẩn trọng mà một người bình thường phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 44.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 44.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
- 44.3 Họp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, miễn rằng các giao dịch đó đáp ứng các điều kiện sau:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, với điều kiện số Cổ đông bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này phải đạt tối thiểu 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (không bao gồm số cổ phần của các Cổ đông là

- người có liên quan);
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các Cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
- 44.4 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 45.1 Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 45.2 Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay Công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác với điều kiện là (i) người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, (ii) không vi phạm pháp luật, (iii) đúng thẩm quyền và (iv) đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Công ty và pháp luật. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.
- 45.3 Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép.

CHƯƠNG XI.

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 46.1 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong Điều 19.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
- 46.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ

quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

- 46.3 Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- 46.4 Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ Công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và Công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 48. Cổ tức

- 48.1 Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông dựa trên đề nghị của Hội đồng quản trị.
- 48.2 Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- 48.3 Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 48.4 Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
- 48.5 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản mà Cổ đông đó đã đăng ký với Công ty. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty

không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

- 48.6 Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền cổ tức mà cổ đông được nhận.
- 48.7 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách hưởng quyền (“Ngày chốt danh sách”). Những Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác có tên trên danh sách Cổ đông hoặc danh sách sở hữu các chứng khoán khác vào Ngày chốt danh sách được quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông, nhận phiếu lấy ý kiến Cổ đông, nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, hưởng quyền mua, nhận cổ phiếu thưởng và tất cả các quyền có liên quan khác theo quy định của Hội đồng quản trị hoặc/và Đại hội đồng Cổ đông. Ngày chốt danh sách có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 49. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 50. Tài khoản ngân hàng

- 50.1 Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 50.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 50.3 Các khoản thanh toán của Công ty sẽ được thực hiện thông qua các tài khoản này hoặc theo một phương thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc/và Tổng giám đốc.

Điều 51. Trích lập các quỹ

- 51.1 Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% mức vốn Điều lệ;
 - Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;
 - Quỹ dự phòng giảm giá chứng khoán;

- d. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - e. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
- 51.2 Việc quản lý và sử dụng các quỹ này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động đó.

Điều 53. Hệ thống kế toán

- 53.1 Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 53.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 53.3 Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CỘNG CHÚNG

Điều 54. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

- 54.1 Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh. Trường hợp theo quy định của pháp luật yêu cầu bắt buộc thì Báo cáo tài chính này phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- 54.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyền tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoại báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
- 54.3 Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc khi pháp luật có yêu cầu bắt buộc, Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
- 54.4 Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Bản tóm tắt nội

dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các Cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.

Điều 55. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu hỗ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan hữu quan theo các quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 56. Kiểm toán

- 56.1 Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- 56.2 Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 56.3 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 56.4 Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
- 56.5 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 57. Con dấu

- 57.1 Con dấu là tài sản của Công ty và được khắc theo quy định của pháp luật.
- 57.2 Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật.



CHƯƠNG XVIII.

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 58. Chấm dứt hoạt động

- 58.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
- Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo phán quyết của Tòa Án như quy định tại điều 58.1 của Điều lệ;
 - Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 58.2 Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 59. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các Cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà án có thẩm quyền để yêu cầu giải thể Công ty theo một hay một số các căn cứ sau:

- Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động và tình trạng này kéo dài quá 6 tháng kể từ ngày phát sinh sự không thống nhất.
- Các Cổ đông vẫn không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết để tiến hành bầu đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Điều Lệ sau 3 lần Đại Hội Đồng Cổ Đông đã được triệu tập họp, tiến hành họp và bầu thành viên Hội đồng quản trị một cách hợp pháp kể sau lần họp Đại Hội Đồng Cổ Đông mà tại cuộc họp đó các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Điều Lệ.
- Có sự bất đồng kéo dài trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ đông bị chia rẽ kéo dài khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 60. Thanh lý

- 60.1 Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Hội đồng quản trị trong số Cổ đông hoặc Cán bộ quản lý hoặc nhân viên của Công ty và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 60.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty

trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

- 60.3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- Các chi phí thanh lý;
 - Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - Các khoản vay (nếu có);
 - Các khoản nợ khác của Công ty;
 - Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ

61.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- Cổ đông với Công ty; hoặc
- Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Cán bộ quản lý khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

61.2 Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu mươi ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

61.3 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Án phí sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX.
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- 62.1 Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.
- 62.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp quy định mới của pháp luật trái với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI.
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 63. Ngày hiệu lực

- 63.1 Bản điều lệ này gồm XXI chương 63 Điều, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB nhất trí thông qua ngày 05 tháng 8 năm 2011 tại Hà Nội và được điều chỉnh tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 ngày 28 tháng 8 năm 2012. Đại hội đồng Cổ đông Công ty cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.
- 63.2 Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
- 02 bản nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
 - 08 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
- 63.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 63.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc của Thủ ký Công ty mới có giá trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Lê